

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2018/HC-PT

Ngày: 29/01/2018.

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về bồi thường, hỗ trợ, giải
phóng mặt bằng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị T Tú.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thị Cúc.

2/ Ông Vũ Bảo Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Vũ Hải – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phan Ngọc Khanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09 và ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 32/2017/TLPT-HC ngày 21/6/2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng”;

Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3212/2017/QĐPT-HC ngày 26/12/2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 474/2018/QĐPT-HC ngày 09/01/2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Đường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà T:

Ông Lê Phước T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Đường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 0000012669 ngày 03/10/2017 lập tại Văn phòng công chứng Thủ Đức).

Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân Quận X.

Địa chỉ: Phường C, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận X:

1.1/ Ông Trần Cảnh P.

Địa chỉ: Phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2/ Ông Nguyễn Văn Q.

Địa chỉ: Phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3/ Ông Lê Hồng Q.

Địa chỉ: Phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X.

Địa chỉ: Phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X:

2.1/ Ông Trần Cảnh Phong.

Địa chỉ: Phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2/ Ông Nguyễn Văn Q.

Địa chỉ: Phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3/ Ông Lê Hồng Q.

Địa chỉ: Phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân phường Y, Quận X.

Địa chỉ: Phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn H – Cán bộ Địa chính Xây dựng phường Y.

(Giấy ủy quyền ngày 21/02/2017).

2/ Ông Lê Phước T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Đường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/01/2011, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/3/2011, các bản tự khai, các biên bản đối thoại và tại phiên tòa, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:*

Nhà đất tọa lạc tại phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc một phần thửa số 172, tờ bản đồ thứ 1, xã T, huyện Z (theo tài liệu 299/TTg), nay thuộc một phần thửa số 27, 29 và hẻm, tờ bản đồ số 3, phường Y, Quận X (theo bản đồ địa chính 2002), có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn G (cha bà Nguyễn Thị Lệ T) sử dụng. Năm 1988, ông Nguyễn Văn G cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Lệ T, ông Lê Phước T 01 phần đất khoảng 220 m² để xây dựng nhà ở. Năm 1999, Nhà nước có chủ trương kê khai nhà đất 3376 thì bà T chỉ khai 70 m² với mục đích trốn nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Năm 2001, cháu bà T là ông Trần Văn M cưới vợ nên gia đình yêu cầu bà T tách 01 phần đất để cho gia đình ông M ở. Bà T đã tách 01 phần đất với diện tích 70 m² cho ông M, do đó diện tích đất của gia đình bà còn lại khoảng 150 m². Gia đình bà đã sử dụng phần diện tích này cho đến nay và không khiếu nại gì. Đến khi Nhà nước có chủ trương lập dự án nên toàn bộ phần đất của gia đình bị giải tỏa trắng và thuộc dự án khu Đô thị mới Thủ Thiêm.

Ngày 20/9/2008, Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình tiến hành đo vẽ hiện trạng nhà đất của bà với tổng diện tích là 148,81 m².

Ngày 04/01/2010, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 199/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị Lệ T như sau: 70 m² đền bù 100%, còn 64,44 m² chỉ được đền bù 30%, phần còn lại 14,37 m² không đền bù do lấn hẻm.

Do việc áp giá đền bù trên không chính xác với thời điểm sử dụng đất vì vậy bà T khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Quận X.

Ngày 21/12/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 16502/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ T, với nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà T về thời điểm sử dụng đất, công nhận nội dung bà khiếu nại yêu cầu được hỗ trợ 04 nhân khẩu.

Nay bà T yêu cầu hủy Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư và Quyết định số 16502/QĐ-UBND-TTr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về giải quyết đơn khiếu nại của bà T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu đo vẽ lại toàn bộ hiện trạng nhà đất và bản vẽ do Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thi diện tích khuôn viên nhà bà là 137,8 m².

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X trình bày:*

- Nguồn gốc pháp lý nhà đất:

Ngày 21/10/2009, Ủy ban nhân dân phường Y xác nhận pháp lý số 2196/UBND đối với nhà đất của bà Nguyễn Thị Lệ T tại phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Nguồn gốc nhà, đất do ông Nguyễn Văn G sử dụng, đến năm 1988 cho con là bà Nguyễn Thị Lệ T một phần đất và cùng năm bà T xây dựng nhà để ở. Đến sau năm 2002, bà T sửa chữa nhà như hiện trạng sử dụng đến nay.

Không công nhận một phần ô 01 diện tích 14,37 m² do đo đạc lấn hẻm.

Kê khai 3376 năm 1999 do bà T kê khai nhà có kết cấu vách ván, cột cây, mái tole, nền gạch bông với diện tích khuôn viên là 70 m², diện tích xây dựng là 32 m². Diện tích chênh lệch so với bản vẽ hiện trạng nhà, đất do sau kê khai (trước ngày 20/12/2001), ông G cho bà T thêm một phần đất diện tích 64,44 m², mục đích sử dụng để ở.

Diện tích giải tỏa của hộ bà T là 134,44 m² sử dụng ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm.

- Áp giá chiết tính bồi thường:

Ngày 28/12/2009, Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm chiết tính số 3987/AK về giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho bà T như sau :

Đất ở sử dụng từ ngày 18/12/1980 đến ngày 15/10/1993:

$70,00 \text{ m}^2 \times 2.364.000 \text{ đ/m}^2 = 165.480.000 \text{ đồng.}$

Đất ở chuyển mục đích sử dụng từ ngày 16/9/1998 đến ngày 20/12/2001:

$64,44 \text{ m}^2 \times (2.380.000 \text{ đ/m}^2 \times 30\%) = 46.010.160 \text{ đồng.}$

Lấn hẻm diện tích 14,37 m² không được xét hỗ trợ.

Bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng và vật kiến trúc: 22.400.000 đồng.

Bồi thường thiệt hại về trang thiết bị và tài sản khác: 900.000 đồng.

Hoa màu và cây ăn trái : 450.000 đồng.

Các khoản hỗ trợ khác: 2.000.000 đồng.

Kết luận:

+ Trường hợp lựa chọn phương thức tái định cư thì được nhận số tiền là 237.240.160 đồng và được mua căn hộ chung cư với diện tích tiêu chuẩn 134,44 m² (trong đó được mua căn hộ theo giá tái định cư với diện tích là 70 m²; được mua căn hộ theo giá không kinh doanh với diện tích 64,44 m²).

+ Trường hợp lựa chọn phương thức nhận toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư thì được nhận số tiền là 1.872.760.160 đồng.

Ngày 04/01/2010, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 199/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho bà Nguyễn Thị Lệ T với số tiền là 237.240.160 đồng. Về tái định cư: được mua căn hộ chung cư với diện tích tiêu chuẩn là 134,44 m² (trong đó: được mua theo giá tái định cư với diện tích là 70 m², được mua theo giá không kinh doanh với diện tích là 64,44 m²).

Không đồng ý, bà Nguyễn Thị Lệ T gửi đơn đến Ủy ban nhân dân Quận X khiếu nại Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010.

Ngày 21/12/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 16502/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ T với nội dung: “Sửa đổi một phần nội dung Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X: Không công nhận nội dung bà Nguyễn Thị Lệ T khiếu nại yêu cầu được bồi thường toàn bộ phần đất có diện tích 148,81 m² theo

diện tích đất ở sử dụng từ năm 1988 và được bồi thường phần sân diện tích 56,42 m² có thời điểm tạo lập từ trước ngày 20/12/2001; Công nhận nội dung bà Nguyễn Thị Lệ T khiếu nại yêu cầu được hỗ trợ 04 nhân khẩu. Giao Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư Khu đô thị mới Thủ Thiêm chiết tính hỗ trợ 04 nhân khẩu cho hộ bà T theo quy định tại Khoản 1, Điều 12, Phần III của Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X điều chỉnh, bổ sung Điều 1, Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X”.

Ngày 10/01/2011, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 331/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung (nhân khẩu) cho bà Nguyễn Thị Lệ T với số tiền là 4.000.000 đồng.

Ngày 19/9/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 12377/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Lệ T.

Ngày 21/01/2013, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 445/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung (nhân khẩu) cho bà Nguyễn Thị Lệ T với số tiền là 1.000.000 đồng

Toàn bộ số tiền bồi thường hỗ trợ thiệt hại và tái định cư nêu trên đã được Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng quận gửi vào ngân hàng vào ngày: 15/2/2011; ngày 03/8/2011 và ngày 17/6/2011.

Ngày 26/6/2014, bà Nguyễn Thị Lệ T đã nhận 03 căn hộ tạm cư tại khu tạm cư 1ha An Phú, Quận X.

Ngày 04/7/2014, bà Nguyễn Thị Lệ T đã bàn giao mặt bằng cho Nhà nước và nhận 5.000.000 đồng tiền thưởng do chấp hành bàn giao mặt bằng.

- Về căn cứ pháp lý:

Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Ngày 04/6/1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 367/TTg về phê duyệt quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

Ngày 10/5/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UB về việc thu hồi và giao 621,4328 ha đất để xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Theo đó, vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định tại Bản đồ hiện trạng vị trí số 02/BB-BQL do Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình lập và Sở Địa chính – Nhà đất duyệt ngày 03 tháng 5 năm 2002.

- Về áp dụng chính sách đối với người dân có nhà, đất nằm trong phạm vi dự án:

Căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và các văn bản liên quan trong từng thời điểm - Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các quyết định thực hiện chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và trong quá trình thực hiện luôn chú trọng xem xét yêu cầu thực tiễn để điều chỉnh, bổ sung, hỗ trợ nhằm giúp người dân nằm trong phạm vi giải tỏa di dời ổn định đời sống, đẩy nhanh tiến độ thu hồi mặt bằng. Cụ thể bằng các quyết định:

Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư.

Quyết định số 773/QĐ-UB ngày 26/02/2003 về phê duyệt đơn giá đất ở để tính đền bù, hỗ trợ thiệt hại.

Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2002.

Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 và Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006.

- Về trình tự, thủ tục: Nội dung thu hồi đất đã thực hiện đúng với Luật Đất đai năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 1998 và năm 2001; Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính Phủ.

- Về nội dung yêu cầu của người khởi kiện:

Việc bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu hủy toàn bộ nội dung Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X, yêu cầu áp giá bồi thường với diện tích đất thực tế là 148,81 m² là không có cơ sở vì:

Toàn bộ phần đất do hộ bà Nguyễn Thị Lệ T sử dụng được thể hiện tại bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty đo đạc Địa chính và Công trình lập ngày 20/9/2008, được phòng Tài nguyên và Môi trường Quận X kiểm tra nội nghiệp ngày 20/4/2009 xác định có diện tích là 148,81 m² (trong đó có 14,37 m² lấn chiếm hẻm), thuộc một phần thửa số 172, tờ bản đồ thứ 1, xã T, huyện Z (theo tài liệu 299/TTg), nay thuộc một phần thửa số 27, 29 và hẻm, tờ bản đồ số 3, phường Y, Quận X (theo bản đồ địa chính 2002) có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn G sử dụng. Đến năm 1988, ông G cho lại con là bà Nguyễn Thị Lệ T. Năm 1999, bà T kê khai nhà đất theo Quyết định 3376/QĐ-UBND ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố với diện tích khuôn viên là 70 m², diện tích xây dựng là 32 m², kết cấu vách ván, cột cây, mái tôn, nền gạch bông. Do đó, Hội đồng bồi thường đã chiết tính 70 m² theo diện đất ở sử dụng từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993 là phù hợp tiểu tiết b.1.2.2, tiết b.1.2, Điểm b.1, Mục b, Khoản 3, Điều 3, Quyết định 135/2002/QĐ-UBND ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Phần diện tích chênh lệch giữa kê khai nhà đất và hiện trạng thực tế di dời là do sau kê khai (trước ngày 20/12/2001), ông G cho bà T sử dụng thêm phần đất có diện tích 64,44 m². Đến năm 2002, bà T tiến hành sửa chữa lại nhà như hiện trạng di dời. Do đó, Hội đồng bồi thường đã chiết tính 64,44 m² theo diện đất ở sử dụng chuyển mục đích sử dụng từ ngày 16/9/1998 đến trước ngày 20/12/2001 là phù hợp Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 2, Quyết định 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Đối với phần diện tích 14,37 m² theo bản đồ địa chính năm 2002 là hẻm nên không bồi thường theo Khoản 2, Điều 2, Quyết định 135/2002/QĐ-UBND ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 07/10/2013, Ủy ban nhân dân Quận X có văn bản số 3770/UBND-BBT đề nghị Tòa án nhân dân Quận X tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

Do đó, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị Lệ T là đúng theo trình tự, thủ tục, chính sách và phù hợp theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân Quận X giữ nguyên Quyết định nêu trên.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X vắng mặt và có lời khai trình bày:*

Ngày 04/01/2010, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 199/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho bà Nguyễn Thị Lệ T với số tiền là 237.240.160 đồng. Về tái định cư: được mua căn hộ chung cư với diện tích tiêu chuẩn là 134,44 m² (trong đó: được mua theo giá tái định cư với diện tích là 70 m², được mua theo giá không kinh doanh với diện tích là 64,44 m²).

Không đồng ý, bà Nguyễn Thị Lệ T gửi đơn đến Ủy ban nhân dân Quận X khiếu nại Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010.

Ngày 21/12/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 16502/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ T với nội dung: “Sửa đổi một phần nội dung Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X: Không công nhận nội dung bà Nguyễn Thị Lệ T khiếu nại yêu cầu được bồi thường toàn bộ phần đất có diện tích 148,81 m² theo diện tích đất ở sử dụng từ năm 1988 và được bồi thường phần sân diện tích 56,42 m² có thời điểm tạo lập từ trước ngày 20/12/2001; Công nhận nội dung bà Nguyễn Thị Lệ T khiếu nại yêu cầu được hỗ trợ 04 nhân khẩu. Giao Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư Khu đô thị mới Thủ Thiêm chiết tính hỗ trợ 04 nhân khẩu cho hộ bà T theo quy định tại Khoản 1, Điều 12, Phần III của Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X điều chỉnh, bổ sung Điều 1, Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X”.

Ngày 10/01/2011, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 331/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung (nhân khẩu) cho bà Nguyễn Thị Lệ T với số tiền là 4.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu hủy toàn bộ nội dung Quyết định số 16502/QĐ-UBND-Tr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X là không có cơ sở vì:

Ngày 21/10/2009, Ủy ban nhân dân phường Y xác nhận pháp lý số 2196/UBND đối với nhà đất của bà Nguyễn Thị Lệ T tại phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Nguồn gốc nhà, đất do ông Nguyễn Văn G sử dụng, đến năm 1988 cho con là bà Nguyễn Thị Lệ T một phần đất và cùng năm bà T xây dựng nhà để ở. Đến sau năm 2002, bà T sửa chữa nhà như hiện trạng sử dụng đến nay.

Toàn bộ phần đất do hộ bà Nguyễn Thị Lệ T sử dụng được thể hiện tại bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty đo đạc Địa chính và Công trình lập ngày 20/9/2008, được

phòng Tài nguyên và Môi trường Quận X kiểm tra nội nghiệp ngày 20/4/2009 xác định có diện tích là 148,81 m² (trong đó có 14,37 m² lấn chiếm hẻm), thuộc một phần thửa số 172, tờ bản đồ thứ 1, xã T, huyện Z (theo tài liệu 299/TTg), nay thuộc một phần thửa số 27, 29 và hẻm, tờ bản đồ số 3, phường Y, Quận X (theo bản đồ địa chính 2002) có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn G sử dụng. Đến năm 1988, ông G cho lại con là bà Nguyễn Thị Lệ T. Năm 1999, bà T kê khai nhà đất theo Quyết định 3376/QĐ-UBND ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố với diện tích khuôn viên là 70 m², diện tích xây dựng là 32 m², kết cấu vách ván, cột cây, mái tôn, nền gạch bông. Do đó, Hội đồng bồi thường đã chiết tính 70 m² theo diện đất ở sử dụng từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993 là phù hợp tiểu tiết b.1.2.2, tiết b.1.2, Điểm b.1, Mục b, Khoản 3, Điều 3, Quyết định 135/2002/QĐ-UBND ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Phần diện tích chênh lệch giữa kê khai nhà đất và hiện trạng thực tế di dời là do sau kê khai (trước ngày 20/12/2001), ông G cho bà T sử dụng thêm phần đất có diện tích 64,44 m². Đến năm 2002, bà T tiến hành sửa chữa lại nhà như hiện trạng di dời. Do đó, Hội đồng bồi thường đã chiết tính 64,44 m² theo diện đất ở sử dụng chuyển mục đích sử dụng từ ngày 16/9/1998 đến trước ngày 20/12/2001 là phù hợp Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 2, Quyết định 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Đối với phần diện tích 14,37 m² theo bản đồ địa chính năm 2002 là hẻm nên không bồi thường theo Khoản 2 Điều 2 Quyết định 135/2002/QĐ-UBND ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Theo sổ hộ khẩu gia đình do bà Nguyễn Thị Lệ T đứng tên chủ hộ xác định tại phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có 04 nhân khẩu đăng ký thường trú nên bà T yêu cầu được hỗ trợ 04 nhân khẩu là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 16502/QĐ-UBND-TTr ngày 21/12/2010 về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ T là có căn cứ và đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X giữ nguyên quyết định nêu trên.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước T trình bày:*

Ông hoàn toàn thống nhất với ý kiến, yêu cầu của bà T, ngoài ra ông không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường Y có đại diện theo ủy quyền - ông Nguyễn Văn Hoàng trình bày:*

Toàn bộ diện tích đất tại phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh do hộ bà Nguyễn Thị Lệ T sử dụng, được thể hiện tại bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình lập ngày 20/9/2008, được Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nội nghiệp ngày 20/4/2009 xác định có diện tích 148,81 m² (trong đó có 14,37 m² lấn hẻm) thuộc 01 phần thửa số 27, 29 tờ bản đồ số 03, phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (theo bản đồ địa chính 2002), có nguồn gốc đất do ông Nguyễn Văn G sử dụng. Đến năm 2008, ông G cho lại con là bà Nguyễn Thị Lệ T tiến hành xây cất nhà để ở. Năm 1999, bà T đứng tên kê khai đăng ký nhà đất theo Quyết định số 3376/QĐ-UBND ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích khuôn viên 70 m², diện tích xây dựng là 32 m², kết cấu vách ván, cột cây,

mái tôn, nền gạch bông. Toàn bộ nhà đất nói trên nằm trong quy hoạch Đô thị mới Thủ Thiêm, bị giải tỏa. Ngày 21/10/2009, Ủy ban nhân dân phường Y đã xác nhận nguồn gốc nhà đất của căn nhà số 41/3B, tổ 60, ấp 4, phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo phiếu xác nhận hồ sơ pháp lý số 2196/UBND ngày 21/10/2009. Nay, Ủy ban nhân dân phường Y, Quận X vẫn giữ nguyên nội dung xác nhận theo phiếu xác nhận nói trên.

** Người làm chứng ông Phạm Văn Đ trình bày:*

Năm 1996, ông có mua 01 nền đất có diện tích 24 m² của ông Nguyễn Văn G, có kê khai năm 1999. Phần đất này giáp ranh với hộ bà Nguyễn Thị Lệ T. Phần đất bà T sử dụng liên tục từ trước đến nay, không có tranh chấp. Ông yêu cầu xem xét, đền bù thỏa đáng cho bà T.

** Người làm chứng bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà là hộ giáp ranh bên trái nhà bà Nguyễn Thị Lệ T và bên phải, phía sau nhà bà T là con trai bà, tên Trần Văn Minh sử dụng. Bà T là người sử dụng phần đất này từ năm 1988 đến nay, sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp. Bà không có ý kiến gì trong vụ án này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 24 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân Quận X đã quyết định:

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị Lệ T và Quyết định số 16502/QĐ-UBND-TTr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05 tháng 5 năm 2017, bà Nguyễn Thị Lệ T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận X.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ T có đại diện theo ủy quyền ông Lê Phước T xác định yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư và hủy 01 phần Quyết định số 16502/QĐ-UBND-TTr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ T. Ông Toàn xác định đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn G (cha ruột bà Nguyễn Thị Lệ T) cho từ năm 1988 và sử dụng ổn định liên tục cho đến nay, do vậy yêu cầu được bồi thường phần diện tích 64,44 m² là đất ở. Ngoài ra, phần diện tích đất 14,37 m² ông Toàn xác định không lấn hẻm.

* Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X có yêu cầu xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng giữ

nguyên các quyết định của Ủy ban nhân dân Quận X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phân tích và xác định:

Ủy ban nhân dân Quận X căn cứ vào phiếu xác nhận hồ sơ pháp lý số 2196/UBND ngày 21/10/2009 của Ủy ban nhân dân phường Y, Quận X để lập hồ sơ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Lệ T. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường Y - Quận X có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm:

Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính về thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tiến hành phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia phiên tòa theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ T: Phần diện tích đất của bà Nguyễn Thị Lệ T bị ảnh hưởng Dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm có diện tích 148,8 m², được thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty đo đạc địa chính và Công trình lập ngày 20/9/2008 đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận X kiểm tra nội nghiệp, thuộc một phần thửa số 172, tờ bản đồ số 01 xã Y, huyện Thủ Đức (Theo tài liệu năm 299/TTg), nay thuộc một phần thửa số 27 và 29 Tờ bản đồ số 03, phường Y, Quận X (Theo bản đồ địa chính năm 2002). Có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn G (cha bà T) sử dụng. Đến năm 1988, ông G cho bà T sử dụng. Ngày 30/8/1999, bà T đăng ký kê khai nhà đất theo Quyết định số 3376/QĐ-UBND ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích khuôn viên chỉ có 70 m² và tại phiên tòa hôm nay, bà T không đưa được chứng cứ để chứng minh cho phần diện tích 78,8 m² chênh lệch giữa kê khai nhà đất và hiện trạng thực tế đến thời điểm di dời là do ông G cho cùng thời điểm năm 1988. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T.

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ T làm trong hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Ủy ban nhân dân Quận X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ quy định của Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ T có đại diện theo ủy quyền ông Lê Phước T xác định yêu cầu kháng cáo là: Hủy 01 phần Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư và hủy 01 phần Quyết định số 16502/QĐ-UBND-TTr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về giải quyết đơn khiếu nại của bà T. Ông T xác định đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn G (cha ruột của bà Nguyễn Thị Lệ T) cho từ năm 1988 và sử dụng ổn định liên tục cho đến nay, yêu cầu bồi thường phần diện tích 64,44 m² là đất ở.

[5] Nguồn gốc nhà đất tại phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh của bà T là do ông Nguyễn Văn G sử dụng từ 1975, đến năm 1988 cho con là bà Nguyễn Thị Lệ T một phần đất và cùng năm bà T xây dựng nhà để ở cho đến nay, không có ai tranh chấp.

[6] Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty đo đạc Địa chính và Công trình lập ngày 20/9/2008, được phòng Tài nguyên và Môi trường Quận X kiểm tra nội nghiệp ngày 20/4/2009 thì:

Diện tích giải tỏa là 148,81 m² (trong đó có 14,37 m² lấn chiếm hẻm).

+ Theo tài liệu 299/TTg: Thuộc một phần thửa số 172, tờ bản đồ thứ 1, xã Y, huyện Thủ Đức.

+ Theo bản đồ địa chính 2002: Thuộc một phần thửa số 27, 29 và hẻm, tờ bản đồ số 3, phường Y, Quận X.

[7] Theo bà T thì ông G chỉ cho bà đất 01 lần duy nhất vào năm 1988, bà sử dụng trực tiếp ổn định liên tục từ đó cho đến khi bị thu hồi giải tỏa, không ai tranh chấp.

[8] Tại văn bản số 2196/UBND ngày 31/10/2009 của Ủy ban nhân dân phường Y, Quận X về xác nhận hồ sơ pháp lý nhà đất đối với bà Nguyễn Thị Lệ T đã nêu: “Nguồn gốc đất do ông Nguyễn Văn G sử dụng, đến năm 1988 cho lại con là bà Nguyễn Thị Lệ T một phần đất, cùng năm 1988 bà xây dựng nhà ở, đến sau 2002 bà T sửa chữa nhà như hiện trạng sử dụng cho đến nay. kê khai đăng ký nhà đất theo Quyết định số 3376/QĐ-UBND ngày 11/6/1999 bà T kê khai nhà có kết cấu vách ván, mái tole, diện tích khuôn viên 70 m², diện tích xây dựng là 32 m², diện tích chênh lệch với bản vẽ hiện trạng nhà đất do sau kê khai (trước ngày 20/12/2001) ông G cho thêm 01 phần đất diện tích 64,44 m². Diện tích giải tỏa của hộ bà T là 134,44 m² sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp.”

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường Y – ông Nguyễn Văn H xác định: “Việc xác định ông G cho bà T thêm một phần diện tích đất 64,44 m² không có tài liệu gì chứng minh ông G cho thêm mà được xác định bằng cách: Lấy diện tích giải tỏa là 148,81 m², trừ đi diện tích mà bà T kê khai 3376 là 70 m², diện tích đất lấn hẻm là 14,37m², như vậy diện tích đất còn lại 64,44 m² được xác định là do ông G cho thêm”.

[10] Căn cứ Tờ đăng ký nhà đất của bà Nguyễn Thị T lập ngày 30/8/1999 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Y (bút lục số 75) và giấy thỏa thuận về việc xác

định ranh giới nhà đất của bà Nguyễn Thị T ngày 11/7/1999 (bút lục số 76) thể hiện: Bên hông phải - giáp đất của ông G; bên hông trái - đường hẻm nhỏ; phía sau - giáp bà T và phía trước là khoảng sân.

[11] Căn cứ tờ đăng ký nhà đất của ông Nguyễn Văn G lập ngày 15/9/1999 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Y thì ông G kê khai diện tích toàn bộ khuôn viên là 300 m² và giấy thỏa thuận về việc xác định ranh giới nhà đất của ông Nguyễn Văn G ngày 11/7/1999 thể hiện: Phía trước - đường làng; phía sau - giáp rạch; bên hông trái - Nguyễn Thị T; bên hông phải - Vũ Quang H.

[12] Căn cứ bản đồ địa chính 2002 của phường Y và Bản thống kê diện tích, chủ sử dụng, loại đất theo hiện trạng sử dụng - phường Y (số hiệu mảnh bản đồ địa chính: 3) thể hiện: bà Nguyễn Thị Lệ T sử dụng 190 m², thửa 27 - loại đất T và ông Nguyễn Văn G sử dụng 338,8 m², thửa 43 - loại đất T.

[13] Từ những căn cứ nêu trên nhận thấy theo Bản thống kê diện tích, chủ sử dụng, loại đất theo hiện trạng sử dụng - phường Y thì diện tích đất thực tế của ông G sử dụng tăng lên so với diện tích đất mà ông G kê khai năm 1999, chứ không giảm đi. Đồng thời cũng phù hợp với giấy thỏa thuận về việc xác định ranh giới nhà đất của ông G lập ngày 11/9/1999 thể hiện đất của ông G không tiếp giáp với đất của bà T nên nếu cho rằng ông G cho bà T thêm phần diện tích đất 64,44 m² như xác nhận nguồn gốc pháp lý của Ủy ban nhân dân phường Y là không có cơ sở.

[14] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ T có đại diện theo ủy quyền ông Lê Phước T trình bày việc kê khai năm 1999 diện tích 70 m² là kê khai không chính xác và nhằm mục đích giảm tiền đóng thuế. Mặt khác, tại Giấy cam kết đề ngày 22/01/2011 của ông G (bút lục số 49) thì ông G xác định ông chỉ cho bà T 01 phần đất diện tích 150 m² và cho 01 lần duy nhất vào năm 1988. Đồng thời, ông Nguyễn Văn Đ (người làm chứng) cũng xác định (bút lục số 127): “Năm 1996, ông có mua 01 nền đất có diện tích 24 m² của ông Nguyễn Văn G, có kê khai năm 1999. Phần đất này giáp ranh với hộ bà Nguyễn Thị Lệ T. Phần đất bà T sử dụng liên tục từ trước đến nay, không có tranh chấp”. Đồng thời, Ủy ban nhân dân phường Y cũng xác định diện tích giải tỏa của hộ bà T là 134,44 m² sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không ai tranh chấp.”

[15] Từ những nhận định trên nhận thấy: Ủy ban nhân dân phường Y cho rằng ông G cho bà T thêm 01 phần đất diện tích 64,44 m² nhưng không có tài liệu gì chứng minh. Do đó, việc Ủy ban nhân dân Quận X không xem xét bồi thường phần diện tích 64,44 m² là đất ở và quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X không chấp nhận khiếu nại của bà T là không có cơ sở.

[16] Đối với việc xác định diện tích 14,37 m² là hẻm thì nhận thấy: Theo giấy thỏa thuận về việc xác định ranh giới nhà đất của bà Nguyễn Thị Lệ T đề ngày 12/7/1999 thể hiện phía trước (nhà bà T) - giáp ông Nguyễn Văn K và theo bản đồ địa chính 2002 thể hiện phía trước nhà bà T giáp hẻm, bà T cũng thừa nhận hẻm hình thành từ nhiều năm nay, tại phiên tòa bà T không xuất trình chứng cứ gì chứng minh bà không lấn hẻm nên bà T kháng cáo cho rằng không lấn hẻm là không có cơ sở để xem xét.

[17] Do đó kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ T hủy 01 phần Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư và hủy 01 phần Quyết định số 16502/QĐ-UBND-TTr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về giải quyết đơn khiếu nại của bà T, buộc Ủy ban nhân dân Quận X bồi thường cho bà T diện tích 64,44 m² đất ở theo đúng quy định của pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

[18] Án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu hủy Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư và Quyết định số 16502/QĐ-UBND-TTr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về giải quyết đơn khiếu nại của bà T là chưa đúng.

[19] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T. Đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[20] Do yêu cầu kháng cáo của bà T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên bà T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và hoàn lại tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà T theo quy định của pháp luật.

[21] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án,

1/ Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ T, sửa bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận X.

Tuyên bố 01 phần Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 04/01/2010 của Ủy ban nhân dân Quận X về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư và 01 phần Quyết định số 16502/QĐ-UBND-TTr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về giải quyết đơn khiếu nại về yêu cầu không bồi thường 64,44 m² đất ở cho bà T là trái quy định của pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận X có trách nhiệm ban hành quyết định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà T đối với phần diện tích 64,44 m² đất ở theo đúng quy định của pháp luật.

2/ Án phí hành chính:

- Ủy ban nhân dân Quận X phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Lệ T tạm ứng án phí đã nộp là 200.000

(hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AD/2010/07189 ngày 16/02/2011 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X.

- Ủy ban nhân dân Quận X phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Lệ T tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AE/2014/0008005 ngày 05/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Tú